

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư: Xây dựng hệ thống thủy lợi sản xuất nhãn
xuồng ứng dụng CNC xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phân cấp quyết định đầu tư, thẩm định phê duyệt dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ điều chỉnh nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2018 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 01/TTr-SNN&PTNT ngày 02 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư: Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nhãn xuồng ứng dụng CNC xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú.

1. Tên dự án: Xây dựng hệ thống thủy lợi sản xuất nhãn xuồng ứng dụng CNC xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Phú.

3. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp hạ tầng thủy lợi kết hợp giao thông để phục vụ cho sản xuất cây nhãn xuồng theo hướng công nghệ cao, giảm giá thành sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm, đảm bảo ổn định đầu ra cho sản phẩm, cải thiện thu nhập nâng cao đời sống an sinh – xã hội.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

4.1. Đường trục chính.

4.1.1. Đường trục chính bờ Tây kênh Đồn Dong:

- Chiều dài tuyến: 2.269 m;
- Bề rộng mặt đường: 3,0 m;
- Bề rộng lề: 2x0,5m;
- Cao trình tim đường thiết kế: +3,00 m;
- Hệ số mái: $m = 1,5$;
- Hệ thống cọc tiêu, biển báo.

4.1.2. Nạo vét kết hợp Đường trục chính bờ Nam mương Kim:

- Chiều dài tuyến: 1.301 m;
- Bề rộng mặt đường: 3,0 m;
- Bề rộng lề: 2x0,5m;
- Cao trình tim đường thiết kế: +3,00 m;
- Hệ số mái: $m = 1,5$;
- Hệ thống cọc tiêu, biển báo.

4.2. Nạo vét kênh tiêu chính.

4.2.1. Nạo vét mương Bao Ngạn:

- Chiều dài tuyến: 3.002 m;
- Bề rộng đáy kênh: 2,0 m;
- Cao trình đáy kênh:
 - + Đoạn từ mương Sung đến mương Ba Đẹp: + 0.00 m;
 - + Đoạn từ mương Kim đến mương Ba Đẹp: -0,50m.
- Hệ số mái: 1,0 m;

4.2.2. Nạo vét mương Ông Khoánh:

- Chiều dài tuyến: 674 m;
- Bề rộng đáy kênh: 1,0 m;
- Cao trình đáy kênh: + 0,5 m;
- Hệ số mái: 1,0 m;

4.2.3. Nạo vét mương Ba Đẹp:

- Chiều dài tuyến: 875 m;
- Bề rộng đáy kênh: 2,0 m;
- Cao trình đáy kênh: + 0.00 m;

- Hệ số mái: 1,0 m;

4.3. Trạm bơm điện.

4.3.1. Trạm bơm điện nương Bao Ngạn:

a) Trạm bơm tiêu:

- Nhà trạm: Hình thức xây mới, diện tích xây dựng: 38 m²;
- Số tổ máy: 03, loại máy HL 980-9;
- Lưu lượng: 850 ÷ 1100 m³/h; Công suất máy: 33 Kw;
- Cao trình đáy bể hút: -1,00;
- Cao trình đáy bể xả: -0,500 m; Mức nước bể xả max + 4,30m.

b) Trạm bơm tưới và hệ thống ống chính:

- Số máy: 04 máy, loại máy có lưu lượng 100 m³/h, công suất 40HP;
- Cao trình sàn nhà trạm +4,80m;
- Cao trình đáy ống hút: -1,50m;
- Mức nước Min ± 0.00m; mức nước Max +4.08m.

4.3.2. Trạm bơm điện nương Kim:

a) Trạm bơm tiêu:

- Nhà trạm: Hình thức xây mới, diện tích xây dựng: 25 m².
- Số tổ máy: 02, loại máy HL 980-9;
- Công suất máy: 1000 m³/h;
- Cao trình đáy bể hút: -0,50m; Mức nước min + 0,50m;
- Cao trình đỉnh bể xả: +4,0m.

b) Trạm bơm tưới và hệ thống ống chính:

- Số máy: 04 máy, loại máy có lưu lượng 100m³/h, công suất 40HP;
- Cao trình sàn nhà trạm +4,80m;
- Cao trình đáy ống hút: -1,50m;
- Mức nước Min ± 0.00m; mức nước Max +4.08m.

4.4. Đường dây trung thế và trạm biến áp.

4.4.1. Nương Bao Ngạn:

- Đường dây trung thế: chiều dài 200m;
- Đường dây hạ thế: chiều dài 461m;
- Trạm biến áp: 1x160 kVA;
- Biển báo.

4.4.2. Nương Kim:

- Đường dây trung thế: chiều dài 1.191m;
- Đường dây hạ thế: chiều dài 158m;
- Trạm biến áp: 1x160 kVA;
- Biển báo.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Thuận Thành Phú.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Nguyễn Đình Bạ.

7. Địa điểm xây dựng: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

8. Diện tích sử dụng đất: 90.306 m².

9. Loại và cấp công trình: công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công)

11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

11.1. Đường trục chính (bờ Tây kênh Đòn Dong; bờ Nam Mương Kim):

- Đường bê tông xi măng mác 300, dày 16cm;
- Trải lớp cao su phân cách; Cấp phối đá dăm loại II, dày 12 cm;
- Nền đường lu lèn $K \geq 0,95$.

11.2. Nạo vét kênh tiêu chính (mương Bao Ngạn, mương Ông Khoánh, mương Ba Đep):

- Dựa theo tuyến công trình cũ, duy tu nạo vét để đảm bảo tiêu, chống hạn và đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp cho vùng;

- Thi công bằng tổ hợp cơ giới kết hợp với nạo vét thủ công tại các vị trí các phương tiện cơ giới không thể vào được.

11.3. Trạm bơm điện:

11.3.1. Trạm bơm điện mương Bao Ngạn:

a) Trạm bơm tiêu:

- Bể hút: Xây đá 20x30 vữa M100, D300, Bê tông lót đá 4x6;
- Nhà trạm: móng, cột, dầm bằng BTCT, tường xây gạch và đổ mái bằng, sử dụng BTCT M200;
- Bể xả: bằng rọ đá PVC (KT 1x2x0,3)m, vải địa kỹ thuật (8x10)m²; Gia cố phía ngoài bằng 02 hàng cừ tràm.

b) Trạm bơm tưới và hệ thống ống chính:

- Kết cấu nhà trạm: móng, cột, dầm bằng BTCT, tường xây gạch, mái lợp tole; Gia cố cọc nhà trạm bằng BTCT đá 1x2 M300 (KT 0,25x0,25x17,6)m.
- Đường ống chính: ống uPVC, đường kính 250mm, cấp áp lực 10 bar.

11.3.2. Trạm bơm điện mương Kim

a) Trạm bơm tiêu:

- Kết cấu bể hút bằng đá 20x30 xây vữa M100 dày 30cm, nhà trạm móng, cột, dầm bằng BTCT, tường xây gạch và mái bằng BTCT M200 dày 10cm. Nền móng gia cố bằng cừ tràm.

- Kết cấu bể xả, bể máy hiện hữu bằng đá xây 20x30.

b) Trạm bơm tưới và hệ thống ống chính:

- Kết cấu nhà trạm: móng, cột, dầm bằng BTCT, tường xây gạch, mái lợp tole; Gia cố cọc nhà trạm bằng BTCT đá 1x2 M300 (KT 0,25x0,25x17,6)m.

- Đường ống chính: ống uPVC, đường kính 250mm, cấp áp lực 10 bar.

11.4. Đường dây trung thế và trạm biến áp (mường Bao Ngạn, mường Kim):

- Đường dây trung thế: điện áp 22kV, dây dẫn pha dây nhôm bọc có lõi thép 3ACx50mm², dây trung hòa: dây nhôm trần có lõi thép As50mm²;

- Đường dây hạ thế: điện áp 0,4kV, dây dẫn LV-ABC 4x95mm²;

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Dự án thực hiện phần lớn dự trên hiện trạng tuyến bờ kênh cũ, phần bồi hoàn chủ yếu là mở rộng bờ kênh để làm đường trục chính.

- Diện tích sử dụng đất tăng thêm: 3.450 m².

13. Tổng mức đầu tư của dự án: 24.008.380.000 đồng:

(Hai mươi bốn tỷ, không trăm lẻ tám triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi hoàn, hỗ trợ di dời:	2.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng + thiết bị:	16.999.620.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án:	484.319.174 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.365.581.077 đồng;
- Chi phí khác:	1.379.891.307 đồng;
- Chi phí dự phòng:	1.778.967.945 đồng.

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh + Ngân sách huyện

- Ngân sách tỉnh: **21.676** triệu đồng (theo nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP do cấp tỉnh quản lý). Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đầu mối: đường trục chính, trạm bơm tưới tiêu, đường dây trung thế và trạm biến áp.

- Ngân sách huyện: **2.332** triệu đồng thực hiện bồi hoàn, hỗ trợ di dời và đầu tư xây dựng ống nhánh, nạo vét kênh tiêu chính.

* Phân kỳ đầu tư:

ĐVT: Triệu đồng.

Năm thực hiện	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương	Tổng cộng
Năm 2019	8.000	2.000	10.000
- Chuẩn bị đầu tư	8.000	2.000	10.000
Năm 2020	13.676	332	14.008
- Thực hiện đầu tư	13.676	332	14.008
Tổng cộng	21.676	2.332	24.008

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện: năm 2019 ÷ 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung dự án đầu tư theo đúng Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh: CT, PCT Trần Anh Thư;
- Sở: KHĐT, TC, NNPTNT;
- Kho bạc NN tỉnh AG;
- UBND huyện Châu Phú;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.KTN;
- Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Phú;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Trần Anh Thư